

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 60



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

The image shows a red circular official stamp of the company, "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG", with the registration number "M.SUN 0101435122". Overlaid on the stamp is a blue ink signature.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

1581
ANH
TY
HỮU
YOUNG
M
HỘI
T. P.

Số tham chiếu: 61141397/17685413-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Nguyễn Quốc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2584-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		723.760.536.538	700.222.849.925
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	70.756.440.806	54.385.152.551
111	1. Tiền		26.981.440.806	43.232.892.565
112	2. Các khoản tương đương tiền		43.775.000.000	11.152.259.986
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.201.543.907	8.271.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	5.750.000.000	6.820.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		476.735.061.218	513.415.625.662
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	404.907.020.042	397.427.735.291
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	35.727.380.860	47.372.446.601
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.000.000.000	11.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	33.957.192.647	60.662.829.310
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,8	(3.856.532.331)	(3.047.385.540)
140	IV. Hàng tồn kho	9	165.495.812.019	113.006.519.776
141	1. Hàng tồn kho		167.235.568.126	113.006.519.776
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.739.756.107)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.571.678.588	11.144.008.029
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	630.769.939	666.394.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.940.908.649	10.477.613.928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		416.794.801.765	387.979.897.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		95.182.713.962	936.210.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	94.241.688.962	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	941.025.000	936.210.000
220	II. Tài sản cố định		156.318.883.644	174.150.070.221
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	150.750.333.490	163.124.460.128
222	Nguyên giá		218.738.562.166	206.068.607.800
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(67.988.228.676)	(42.944.147.672)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.568.550.154	11.025.610.093
228	Nguyên giá		22.623.770.879	21.937.393.457
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.055.220.725)	(10.911.783.364)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		19.098.886.815	47.220.055.917
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	19.098.886.815	47.220.055.917
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	127.325.208.977	138.574.259.059
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	-	13.249.150.784
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	130.687.549.379	144.403.982.001
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.362.340.402)	(19.078.873.726)
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.869.108.367	27.099.302.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.017.776.324	18.400.692.016
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	1.536.812.043	2.226.830.650
269	3. Lợi thế thương mại	15	4.314.520.000	6.471.780.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.140.555.338.303	1.088.202.747.788

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		417.683.166.475	388.713.047.048
310	I. Nợ ngắn hạn		295.331.195.859	350.778.115.840
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	141.070.622.856	181.699.236.511
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	7.415.154.086	31.025.834.445
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	16.151.121.272	12.434.591.049
314	4. Phải trả người lao động		17.271.074.364	9.541.979.248
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.421.608.611	2.543.855.785
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		284.419.200	5.002.024.920
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	18	19.188.213.379	28.899.742.028
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	86.801.726.421	74.094.827.699
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.906.473.766	2.830.487.978
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.820.781.904	2.705.536.177
330	II. Nợ dài hạn		122.351.970.616	37.934.931.208
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	114.012.260.006	33.290.524.217
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	8.339.710.610	4.644.406.991
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		722.872.171.828	699.489.700.740
410	I. Vốn chủ sở hữu		722.872.171.828	699.489.700.740
411	1. Vốn cổ phần	21.1	415.719.980.000	379.399.090.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		415.719.980.000	379.399.090.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	88.712.010.000	118.432.900.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(1.281.500.000)	(71.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	33.775.255.576	36.101.340.540
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.1	5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	161.900.498.675	142.832.618.776
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		88.712.527.976	78.733.308.823
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		73.187.970.699	64.099.309.953
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	18.845.927.577	17.595.251.424
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.140.555.338.303	1.088.202.747.788

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	723.315.713.867	330.621.604.296
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(47.527.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	723.268.186.867	330.621.604.296
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(496.605.482.666)	(204.708.309.379)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		226.662.704.201	125.913.294.917
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	9.223.973.731	17.012.475.184
22	7. Chi phí tài chính	26	(30.946.203.216)	(14.652.061.043)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.270.329.416)	(6.164.084.873)
24	8. Phần (lỗ)/lãi từ công ty liên kết	13.1	(614.508.950)	1.605.931.258
25	9. Chi phí bán hàng	27	(25.431.452.402)	(14.060.374.448)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(84.409.381.479)	(48.280.095.658)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		94.485.131.885	67.539.170.210
31	12. Thu nhập khác	28	15.831.239.133	7.705.307.998
32	13. Chi phí khác	28	(22.965.360.056)	(10.869.896.843)
40	14. Lỗ khác	28	(7.134.120.923)	(3.164.588.845)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		87.351.010.962	64.374.581.365
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(13.513.288.570)	(3.938.960.504)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế hoãn lại	30.3	(690.018.607)	1.393.431.266
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		73.147.703.785	61.829.052.127
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		73.187.970.699	64.099.309.953
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	(40.266.914)	(2.270.257.826)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG
 B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.789	1.402
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	1.789	1.402



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		648.984.488.559	295.320.604.967
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(540.365.746.768)	(221.087.473.669)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(72.029.476.988)	(62.098.934.769)
04	Tiền chi trả lãi		(4.094.539.049)	(6.295.127.904)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(9.914.308.638)	(2.948.950.727)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.547.018.543	32.728.526.701
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(94.934.550.601)	(47.744.334.332)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(16.807.114.942)	(12.125.689.733)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(42.941.975.804)	(67.487.591.191)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		92.727.273	2.476.276.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(6.750.000.000)	(21.130.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.789.871.507	7.438.500.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(12.045.000.000)	(19.552.300.000)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		11.240.722.783	14.234.404.136
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.541.689.494	20.138.112.042
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(33.071.964.747)	(63.882.598.740)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		23.901.000.000	31.817.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(1.210.000.000)	(71.500.000)
33	Tiền thu từ đi vay		221.863.611.807	154.439.516.646
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(134.126.683.114)	(128.895.509.858)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(43.993.564.275)	(29.329.579.922)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		66.234.364.418	27.959.926.866

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		16.355.284.729	(48.048.361.607)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.385.152.551	102.431.720.910
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		16.003.526	1.793.248
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	70.756.440.806	54.385.152.551


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh


Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 292 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 212).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Thôn Ngọc Phúc, Xã Ngọc Liệp, Huyện Quốc Oai, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (i)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
4	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
5	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

30
PH
G T
M P
S Y
NA
H
1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

3.1.1 *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty và các công ty con cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 35.

3.1.2 *Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 200 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

TỔNG
H
TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá lại xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

01/01/2016
CH
C
4CH
RNS
V
TÀI
V KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

30/07
T NH
ONG
HIEM
& Y
T NI
IA N
M -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2015
NH
TY
KINH
DUNG
M
I
P.HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trong yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	67.295.740	99.557.400	-	67.295.740	102.966.900	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	1.483.805.567	(2.962.671.833)	4.414.215.740	1.487.215.067	(2.962.671.833)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.750.000.000	5.750.000.000	6.820.000.000	6.820.000.000
TỔNG CỘNG	5.750.000.000	5.750.000.000	6.820.000.000	6.820.000.000

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi với tổng số tiền 2.000.000.000 VND có kỳ hạn từ 1 năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt với lãi suất 6,8%/năm và khoản tiền gửi 3.750.000.000 VND có kỳ hạn 1 năm với lãi suất 7,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	404.907.020.042	397.264.535.291
- Công ty TNHH Comverse	108.361.765.400	106.657.528.800
- Công ty Dịch vụ Viễn thông	1.093.953.414	164.991.361.493
- Tổng công ty Hạ tầng mạng	45.857.263.330	921.200.000
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	16.070.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	233.524.037.898	124.694.444.998
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	163.200.000
TỔNG CỘNG	404.907.020.042	397.427.735.291

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	94.241.688.962	-
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	94.241.688.962	-
TỔNG CỘNG	94.241.688.962	-

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khó đòi	1.932.232.331	1.436.960.540
Trong đó:		
Ngắn hạn	1.932.232.331	1.436.960.540
Dài hạn	-	-

(*) Khoản phải thu từ Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 19.2.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	22.727.380.860	34.372.446.601
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Các khoản trả trước khác	17.345.500.340	28.990.566.081
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	35.727.380.860	47.372.446.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Cho vay ngắn hạn khác (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (**) <i>(Thuyết minh số 31)</i>	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	6.000.000.000	11.000.000.000

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

(**) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	5.900.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương	-	-	1.535.736.137	-
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam (ii)	-	-	1.057.777.778	-
Tam ứng cho nhân viên Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.966.886.744	-	9.083.148.572	-
Phải thu hàng mượn thử nghiệm (iii)	3.530.414.291	-	14.618.586.541	-
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	8.130.772.138	-	7.708.748.659	-
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	2.348.010.366	-	2.348.010.366	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	-	-	3.148.000.000	-
Phải thu Ông Đặng Tùng Anh	2.005.750.000	(1.924.300.000)	2.005.750.000	(1.610.425.000)
Phải thu Bà Phan Thị Thúy Dung	1.700.000.000	-	2.040.125.000	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	1.100.000.000	-	1.296.455.556	-
	5.275.359.108	-	7.820.490.701	-
	33.957.192.647	(1.924.300.000)	60.662.829.310	(1.610.425.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	941.025.000	-	936.210.000	-
	941.025.000	-	936.210.000	-
TỔNG CỘNG	34.898.217.647	(1.924.300.000)	61.599.039.310	(1.610.425.000)
Trong đó:				
Phải thu khác	34.898.217.647	(1.924.300.000)	60.514.176.891	(1.610.425.000)
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	-	1.084.862.419	-

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.
- (ii) Đây là số tiền lãi phải thu từ khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay như được trình bày tại Thuyết minh số 7. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam khoản lãi phải thu này do công ty này không đủ khả năng thanh toán.
- (iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	30.100.031.553	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	411.283.567	-	2.513.128.986	-
Công cụ, dụng cụ	1.015.163.251	-	1.046.947.948	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.871.017.034	-	81.888.973.538	-
Thành phẩm	1.208.910.723	-	2.886.629.568	-
Hàng hóa	54.629.161.998	(1.739.756.107)	24.670.839.736	-
TỔNG CỘNG	167.235.568.126	(1.739.756.107)	113.006.519.776	-

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.739.756.107	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	1.739.756.107	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	79.536.694.516	85.953.262.559	23.635.573.388	16.564.369.255	378.708.082	206.068.607.800
- Mua trong năm	-	6.761.370.703	4.460.363.636	268.225.000	-	11.489.959.339
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.673.720.971	-	-	-	-	2.673.720.971
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	(88.154.360)	-	(1.493.725.944)
Số dư cuối năm	82.210.415.487	92.714.633.262	26.690.365.440	16.744.439.895	378.708.082	218.738.562.166
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	-	10.113.023.658	3.409.497.510	2.285.812.156	-	15.808.333.324
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	7.687.856.894	13.760.202.212	16.133.643.938	5.229.910.198	132.534.430	42.944.147.672
- Khấu hao trong năm	3.342.863.355	16.687.717.138	3.801.627.328	2.629.857.503	75.741.624	26.537.806.948
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	(88.154.360)	-	(1.493.725.944)
Số dư cuối năm	11.030.720.249	30.447.919.350	18.529.699.682	7.771.613.341	208.276.054	67.988.228.676
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	71.848.837.622	72.193.060.347	7.501.929.450	11.334.459.057	246.173.652	163.124.460.128
Số dư cuối năm	71.179.695.238	62.266.713.912	8.160.665.758	8.972.826.554	170.432.028	150.750.333.490
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản thế chấp (*)	1.392.857.143	-	4.117.102.195	-	-	5.509.959.338

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 5.509.959.338 VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền khai thác thăm dò (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	11.100.000.000	10.794.353.576	43.039.881	21.937.393.457
Mua trong năm	-	686.377.422	-	686.377.422
Số dư cuối năm	11.100.000.000	11.480.730.998	43.039.881	22.623.770.879
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	8.170.833.333	2.735.928.713	5.021.318	10.911.783.364
Hao mòn trong năm	1.850.000.000	4.284.829.389	8.607.972	6.143.437.361
Số dư cuối năm	10.020.833.333	7.020.758.102	13.629.290	17.055.220.725
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	2.929.166.667	8.058.424.863	38.018.563	11.025.610.093
Số dư cuối năm	1.079.166.667	4.459.972.896	29.410.591	5.568.550.154

(*) Đây là quyền khai thác thăm dò mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 2523/GP-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Quyền khai thác thăm dò này phát sinh từ việc Công ty mua và nắm quyền kiểm soát đối với công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Thanh Trì (*)	5.737.313.349	32.564.011.612
Dự án khai thác mỏ đồng Na Ri (**)	12.680.181.581	11.882.303.314
Xây dựng hệ thống phòng sạch	-	1.368.873.980
Dự án Công nghệ vật liệu mới	-	679.722.491
Dự án Từ Liêm (***)	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	434.790.000	478.542.635
TỔNG CỘNG	19.098.886.815	47.220.055.917

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Trong năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 90% quyền thực hiện dự án cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Liệt, theo Hợp đồng số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANH LIET ngày 11 tháng 12 năm 2015.

(**) Đây là dự án khai thác quặng đồng tại Khuổi Kim – Nà Pì, xã Liêm Thủy, huyện Nà Ri, tỉnh Bắc Kạn do công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn thực hiện. Chi phí của Dự án chủ yếu liên quan đến các chi phí ban đầu để thăm dò, khai thác thử nghiệm quặng đồng và chi phí triển khai dự án.

(***) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	-	13.249.150.784
Đầu tư dài hạn khác	13.2	130.687.549.379	144.403.982.001
- Đầu tư cổ phiếu		92.916.049.379	105.675.448.324
- Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	38.728.533.677
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.362.340.402)	(19.078.873.726)
TỔNG CỘNG		127.325.208.977	138.574.259.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	15,7%	40%
Công ty Cổ phần Telsoft	8%	30%

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty Cổ phần Telsoft	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:			
Số đầu năm	2.000.000.000	3.000.000.000	5.000.000.000
Giảm giá trị đầu tư	(1.211.260.000)	(1.800.000.000)	(3.011.260.000)
Phân loại sang đầu tư khác	(788.740.000)	(1.200.000.000)	(1.988.740.000)
Số cuối năm	-	-	-
Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	7.917.063.123	332.087.661	8.249.150.784
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	270.655.222	(885.164.172)	(614.508.950)
Lợi nhuận/(lỗ) từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	(4.958.727.861)	331.845.906	(4.626.881.955)
Phân loại sang đầu tư khác	(3.228.990.484)	221.230.605	(3.007.759.879)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.917.063.123	3.332.087.661	13.249.150.784
Số cuối năm	-	-	-

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101816274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu 4 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 9 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 24,3% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 15,7% vốn cổ phần trong công ty này, và công ty này không còn là công ty liên kết của Công ty từ ngày 19 tháng 8 năm 2015.

Công ty Cổ phần Telsoft

Công ty Cổ phần Telsoft là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0102756187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 8 tháng 7 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại số 102/125 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Telsoft là sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 22% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Telsoft. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 8% vốn chủ sở hữu trong công ty này, và công ty này không còn là công ty liên kết của Công ty từ ngày 1 tháng 10 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư cổ phiếu (*)	92.916.049.379	3.362.340.402	89.553.708.977	105.675.448.324	19.078.873.726	86.596.574.598		
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	947.834.253	27.642.165.747	1.250.000	28.590.000.000	584.809.797	28.005.190.203
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	-	-	-	-	30.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam (**)	-	-	-	-	1.645.000	21.100.898.824	17.380.545.581	3.720.353.243
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	-	-	-	-	30.000	750.000.000	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	1.189.500	11.895.000.000	2.414.506.149	9.480.493.851	750.000	7.500.000.000	1.113.518.348	6.386.481.652
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom (Thuyết minh số 13.1)	78.874	4.017.730.484	-	4.017.730.484	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Telsoft (Thuyết minh số 13.1)	120.000	978.769.395	-	978.769.395	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	37.771.500.000	-	-	37.771.500.000	38.728.533.677	-	38.728.533.677	
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (***)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương		-	-	-		957.033.677	-	957.033.677
TÓNG CỘNG	130.687.549.379	3.362.340.402	127.325.208.977	144.403.982.001	19.078.873.726	125.325.108.275		

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua Phương án chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam. Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam cho nhà đầu tư khác với giá 0 VND/cổ phiếu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03-09/2015/ELCOM ngày 3 tháng 9 năm 2015.

(***) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	155.726.150	130.373.025
Chi phí sửa chữa	17.110.538	62.574.189
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	457.933.251	473.446.887
TỔNG CỘNG	630.769.939	666.394.101
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.283.763.731	8.891.090.886
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.764.590.767	1.580.080.630
Tiền thuê đất	1.928.719.747	1.833.333.346
Chi phí dự án thử nghiệm vi sinh	6.946.230.713	5.939.858.167
Chi phí trả trước dài hạn khác	94.471.366	156.328.987
TỔNG CỘNG	13.017.776.324	18.400.692.016

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới</i>	
Nguyên giá:		
Số dư đầu năm		21.572.600.000
Giảm khác		-
Số dư cuối năm		21.572.600.000
Phân bổ lũy kế:		
Số dư đầu năm		15.100.820.000
Phân bổ trong năm		2.157.260.000
Số dư cuối năm		17.258.080.000
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu năm		6.471.780.000
Số dư cuối năm		4.314.520.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	141.070.622.856	141.070.622.856	176.987.120.566	176.987.120.566
- Telink Group INC	24.018.106.500	24.018.106.500	-	-
- Công ty TNHH Comverse	13.790.545.410	13.790.545.410	63.421.898.400	63.421.898.400
- Công ty SIAE Microelfetronica S.P.A	-	-	23.036.690.793	23.036.690.793
Phải trả cho người bán khác	103.261.970.946	103.261.970.946	90.528.531.373	90.528.531.373
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	-	4.712.115.945	4.712.115.945
TỔNG CỘNG	141.070.622.856	141.070.622.856	181.699.236.511	181.699.236.511

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	7.415.154.086	31.002.226.998
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	3.420.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 194	3.103.725.086	-
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	7.673.443.000
- Cục Kỹ Thuật Nghiệp Vụ I	-	9.203.824.000
- Người mua trả tiền trước khác	891.429.000	14.124.959.998
Các bên liên quan trả tiền (Thuyết minh số 31)	-	23.607.447
TỔNG CỘNG	7.415.154.086	31.025.834.445

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	18.773.190.344	(15.887.545.822)	2.895.608.854
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.137.578.702	(1.137.578.702)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	6.397.959.316	13.513.288.570	(9.914.308.638)	9.996.939.248
Thuế thu nhập cá nhân	5.995.715.973	4.657.686.494	(10.450.133.755)	203.268.712
Thuế nhà thầu	9.964.332	797.438.842	(599.121.631)	208.281.543
Các loại thuế khác	20.987.096	4.804.056.166	(1.978.020.347)	2.847.022.915
TỔNG CỘNG	12.434.591.049	43.683.239.118	(39.966.708.895)	16.151.121.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	4.237.111.960	3.808.979.320
Thù lao trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Phải trả hàng nhận bảo hành	3.410.410.576	1.680.925.059
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.685.264.713	1.361.093.567
Nhập khẩu ủy thác phải trả	-	8.004.108.824
Cổ tức phải trả cho cổ đông	795.003.288	731.116.383
Phải trả phải nộp khác	2.655.540.612	9.908.636.645
TỔNG CỘNG	19.188.213.379	28.899.742.028
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	-	1.273.828.854
<i>Phải trả khác</i>	19.188.213.379	27.625.913.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay cá nhân	12.724.500.000	12.724.500.000	3.658.200.000	7.880.000.000	8.502.700.000	8.502.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.520.147.000	5.520.147.000	17.488.328.931	5.108.120.931	17.900.355.000	17.900.355.000
Vay ngân hàng	55.850.180.699	55.850.180.699	125.687.052.905	121.138.562.183	60.398.671.421	60.398.671.421
	74.094.827.699	74.094.827.699	146.833.581.836	134.126.683.114	86.801.726.421	86.801.726.421
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	33.290.524.217	33.290.524.217	98.210.064.720	17.488.328.931	114.012.260.006	114.012.260.006
	33.290.524.217	33.290.524.217	98.210.064.720	17.488.328.931	114.012.260.006	114.012.260.006
TỔNG CỘNG	107.385.351.916	107.385.351.916	245.043.646.556	151.615.012.045	200.813.986.427	200.813.986.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	1.567.587.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 4 tháng 1 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	7% - 8,3%	Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	956.170.793	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Gốc vay được trả 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, đáo hạn ngày 10 tháng 2 năm 2016	7,7% - 8,3%	620.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện và số tiết kiệm của ông Nguyễn Đức Thiện tại Techcombank
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	39.104.572.496	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,7%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	18.770.341.132	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,4%	Tin chấp
Bà Trịnh Thái Thường	660.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn ngày 29 tháng 10 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Ông Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn ngày 2 tháng 8 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	5%	Tin chấp
Bà Trần Thị Phương	2.545.500.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 18 tháng 5 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Ông Nguyễn Đức Thiện	2.537.200.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 28 tháng 6 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Bà Hoàng Hồng Hạnh	180.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 2 tháng 2 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Ông Nguyễn Thanh Sơn	80.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 6 tháng 2 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long - Khoản vay dài hạn đến hạn trả	17.900.355.000	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
TỔNG CỘNG	86.801.726.421			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay dài hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	12.600.439.736	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2018	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	101.411.820.270	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	8%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu hình thành trong tương lai từ dự án VTS Hải Phòng (Thuyết minh số 6.1)
TỔNG CỘNG	114.012.260.006			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Số đầu năm	7.474.894.969
- Tăng trong năm	9.940.573.561
- Sử dụng trong năm	(2.738.421.629)
- Hoàn nhập dự phòng không sử dụng	(3.430.862.525)
Số cuối năm	<u>11.246.184.376</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	<i>2.906.473.766</i>
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	<i>8.339.710.610</i>

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	373.399.090.000	117.832.900.000	-	33.101.340.540	5.200.000.000	116.423.643.298	6.700.809.250	652.657.783.088
- Tăng vốn trong năm	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	13.164.700.000	19.764.700.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	64.099.309.953	(2.270.257.826)	61.829.052.127
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	-	(30.351.927.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	-	(4.100.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	(71.500.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(238.407.275)	-	(238.407.275)
Số cuối năm (Trình bày lại)	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	36.101.340.540	5.200.000.000	142.832.618.776	17.595.251.424	699.489.700.740
Năm nay								
Số đầu năm	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	36.101.340.540	5.200.000.000	142.832.618.776	17.595.251.424	699.489.700.740
- Tăng vốn trong năm (*)	36.320.890.000	(29.720.890.000)	-	-	-	-	375.000.000	6.975.000.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	73.187.970.699	(40.266.914)	73.147.703.785
- Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con (**)	-	-	-	-	-	-	915.943.067	915.943.067
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	-	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.800.000.000)	-	(6.800.000.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.210.000.000)	-	-	-	-	(1.210.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(4.126.084.964)	-	-	-	(4.126.084.964)
Số cuối năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	161.900.498.675	18.845.927.577	722.872.171.828



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 001/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-06/2015/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2015 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần, với tổng số cổ phần phát hành thêm là 3.032.089 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết số lượng cổ phiếu này.

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành và niêm yết bổ sung 600.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 11.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01-11/2015/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2015. Số lượng cổ phiếu phổ thông này được chính thức niêm yết từ ngày 2 tháng 2 năm 2016.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-11/2015/NQ-HĐQT, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc không còn là công ty con của Công ty. Công ty đã từ bỏ quyền góp vốn vào công ty này

21.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	415.719.980.000	415.719.980.000	-	379.399.090.000	379.399.090.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.712.010.000	88.712.010.000	-	118.432.900.000	118.432.900.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-	(71.500.000)	(71.500.000)	-
TỔNG CỘNG	503.150.490.000	503.150.490.000	-	497.760.490.000	497.760.490.000	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	379.399.090.000	373.399.090.000
Tăng vốn trong năm	36.320.890.000	6.000.000.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	415.719.980.000	379.399.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.520.090.800	30.351.927.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2014: 10.000 VND)

21.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	45.520.090.800	30.351.927.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	45.520.090.800	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2013: 800 VND/cổ phiếu	-	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VND/ cổ phiếu	45.520.090.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	41.571.998	415.719.980.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu đã phát hành	41.571.998	415.719.980.000	37.939.909	379.399.090.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>41.571.998</i>	<i>415.719.980.000</i>	<i>37.939.909</i>	<i>379.399.090.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	41.571.998	415.719.980.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	116.500	1.281.500.000	6.500	71.500.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>116.500</i>	<i>1.281.500.000</i>	<i>6.500</i>	<i>71.500.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	116.500	1.281.500.000	6.500	71.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.455.498	414.438.480.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu phổ thông	41.455.498	414.438.480.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	13.805,97	12.003
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	-

(*) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND và khoản phải thu khác (bao gồm cho vay không lãi và lãi vay phải thu) từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam với số tiền là 1.057.777.778 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay và phải thu nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới</i>	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn</i>	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc</i>	<i>Công ty Cổ phần Elcom Plus</i>	<i>Công ty TNHH VTS Hải Phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	29.957.477	6.587.253.461	(1.709.053.186)	6.383.617.244	6.303.476.428	17.595.251.424
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát tăng thêm trong năm	-	-	-	375.000.000	-	375.000.000
Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	915.943.067	-	-	915.943.067
Phần lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	(57.576.549)	(44.476.910)	793.110.119	(361.971.282)	(369.352.292)	(40.266.914)
Số cuối năm	(27.619.072)	6.542.776.551	-	6.396.645.962	5.934.124.136	18.845.927.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	723.315.713.867	330.621.604.296
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.424.593.179	77.737.088.225
Doanh thu bán hàng hóa	367.902.314.046	91.766.561.147
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	96.256.780.689	123.205.395.546
Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác	24.732.025.953	37.912.559.378
Doanh thu chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	64.000.000.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	47.527.000	-
Doanh thu thuần	723.268.186.867	330.621.604.296
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.424.593.179	77.737.088.225
Doanh thu bán hàng hóa	367.854.787.046	91.766.561.147
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	96.256.780.689	123.205.395.546
Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác	24.732.025.953	37.912.559.378
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	64.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	723.315.713.867	330.621.604.296
Doanh thu đối với bên liên quan	-	-

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.430.495.755	2.007.518.123
Cổ tức, lợi nhuận được chia	573.729.559	837.501.313
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	2.995.924.403	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	13.774.910.389
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.223.824.014	392.545.359
TỔNG CỘNG	9.223.973.731	17.012.475.184

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	110.306.749.016	65.258.780.623
Giá vốn hàng hóa đã bán	279.251.334.438	60.218.322.709
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	25.898.415.188	36.310.792.615
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	29.513.163.882	42.920.413.432
Giá vốn chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	51.635.820.142	-
TỔNG CỘNG	496.605.482.666	204.708.309.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	4.270.329.416	6.164.084.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.828.564.295	472.279.504
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.664.012.257	8.015.664.223
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư	12.183.118.771	-
Chi phí từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	4.000.000.000	-
Chi phí tài chính khác	178.477	32.443
TỔNG CỘNG	30.946.203.216	14.652.061.043

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí bảo hành thành phẩm phần mềm	500.478.168	275.956.561
Chi phí bảo hành phần cứng	9.256.679.416	1.997.412.453
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	331.681.920	79.915.812
Chi phí bán hàng khác	15.342.612.898	11.707.089.622
TỔNG CỘNG	25.431.452.402	14.060.374.448

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân công	56.344.048.166	39.070.124.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.022.446.855	9.532.807.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.240.203.230	5.905.465.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.645.423.228	(8.385.561.486)
Phân bổ lợi thế thương mại	2.157.260.000	2.157.260.000

TỔNG CỘNG **84.409.381.479** **48.280.095.658**

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	15.831.239.133	7.705.307.998
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	1.600.000.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	99.877.273	-
Thu nhập liên quan đến dự án VBCF (*)	13.285.945.227	-
Thu nhập khác	845.416.633	7.705.307.998
Chi phí khác	22.965.360.056	10.869.896.843
Phạt chậm hợp đồng	5.883.219.210	-
Chi phí liên quan đến dự án VBCF (*)	11.534.076.691	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	4.461.016.186
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	4.976.135.360	-
Chi phí khác	571.928.795	6.408.880.657
LỖ THUẬN KHÁC	(7.134.120.923)	(3.164.588.845)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là khoản thu nhập khác nhận được từ Dự án Quỹ thach thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ký ngày 14 tháng 4 năm 2014 do Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân Hòa Lạc, công ty con của Công ty thực hiện. Các khoản tài trợ nhận được từ VBCF được ghi nhận là thu nhập khác và những chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện Dự án VBCF sẽ được ghi nhận là chi phí khác tương ứng.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí mua hàng hóa	390.242.818.765	40.050.066.814
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.342.959.769	32.989.911.645
Chi phí nhân công	79.665.750.559	75.740.780.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.681.244.309	27.123.433.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.530.299.358	58.709.086.915
Chi phí dự phòng bảo hành	11.648.161.985	1.614.814.071
Chi phí bằng tiền khác	29.335.081.802	30.820.685.670
TỔNG CỘNG	<u>606.446.316.547</u>	<u>267.048.779.485</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.008.040.838	3.938.960.504
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	505.247.732	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	690.018.607	(1.393.431.266)
TỔNG CỘNG	<u>14.203.307.177</u>	<u>2.545.529.238</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.351.010.962	64.374.581.365
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản phạt	4.976.135.360	72.716.842
Tiền khấu hao không theo quy định	795.889.740	538.489.725
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	2.572.633.798	2.651.462.722
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	1.272.493.063	-
Chi phí đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	4.000.000.000	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(785.751.558)	3.756.884.172
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(4.205.956.417)	(1.272.493.063)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	95.976.454.948	70.121.641.763
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm</i>	<i>60.325.425.077</i>	<i>77.782.435.982</i>
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ</i>	<i>36.243.732.904</i>	<i>376.874.333</i>
<i>Lợi nhuận từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản</i>	<i>9.173.401.568</i>	<i>-</i>
<i>Lỗ từ các công ty con (*)</i>	<i>(9.766.104.601)</i>	<i>(8.037.668.552)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	95.976.454.948	70.121.641.763
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm	13.008.040.838	3.938.960.504
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, phần mềm</i>	<i>3.104.363.393</i>	<i>3.889.121.799</i>
<i>Chi phí thuế TNDN cho hoạt động khác</i>	<i>9.903.677.445</i>	<i>49.838.705</i>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	6.397.959.316	5.407.949.539
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước (**)	505.247.732	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(9.914.308.638)	(2.948.950.727)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	9.996.939.248	6.397.959.316

(*) Đây là khoản lỗ trong năm của các công ty con. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(**) Đây là khoản thuế TNDN phải nộp bổ sung cho quyết toán thuế năm tài chính 2012 và 2013 căn cứ theo Quyết định số 28801/QĐ-CT-Ktra ngày 7 tháng 6 năm 2015 về việc xử phạt vi phạm về thuế qua việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi / (lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.536.812.043	2.226.830.650	690.018.607	(1.393.431.266)
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			690.018.607	(1.393.431.266)

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Phan Chiến Thăng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	250.000.000	1.260.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và bán hàng cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho thuê văn phòng	-	163.200.000
			<u>-</u>	<u>163.200.000</u>
<i>Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
			<u>13.000.000.000</u>	<u>13.000.000.000</u>

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

01
 RÁCH
 ERN
 V
 TN I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
			-	5.000.000.000
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay không lãi suất	-	700.000.000
		Phải thu lãi vay	-	357.777.778
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi	-	7.800.000
		Hàng gửi bảo hành	-	19.284.641
			-	1.084.862.419
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	-	4.712.115.945
			-	4.712.115.945
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2)				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	23.607.447
			-	23.607.447
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược để thực hiện hợp đồng	-	1.273.828.854
			-	1.273.828.854
TỔNG CỘNG			-	1.273.828.854

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	3.487.240.000	3.071.690.000
TỔNG CỘNG	3.487.240.000	3.071.690.000

400
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	73.187.970.699	64.099.309.953
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(6.800.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	73.187.970.699	57.299.309.953
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.910.293	40.872.506
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	40.910.293	40.872.506
- <i>Lãi cơ bản</i>	1.789	1.402
- <i>Lãi suy giảm</i>	1.789	1.402

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2015.

589
 ANH
 TY
 HỮU
 HỮU
 AM
 HỮU
 T.P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Chuyển nhượng bất động sản	Thành phẩm khác (Sản phẩm eBop)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>								
Doanh thu								
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	96.256.780.689	367.854.787.046	170.424.593.179	64.000.000.000	363.418.953	24.368.607.000	-	723.268.186.867
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	81.326.589.262	43.142.891.392	-	-	400.000.000 (124.869.480.654)	-	-
Giá vốn các bộ phận	25.898.415.188	279.251.334.438	110.306.749.016	51.635.820.142	313.129.150	29.200.034.732	-	496.605.482.666
Kết quả								
<i>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận</i>	70.358.365.501	88.603.452.608	60.117.844.163	12.364.179.858	50.289.803	(4.831.427.732)	-	226.662.704.201
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)</i>								(139.311.693.239)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>								87.351.010.962
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/phoản lại</i>								(14.203.307.177)
Lợi nhuận thuần sau thuế								73.147.703.785
Tài sản và công nợ								
<i>Tài sản bộ phận</i>	83.106.729.856	317.600.570.000	147.142.160.009	55.256.686.051	313.770.734	21.039.507.290	-	624.459.423.940
<i>Tài sản không phân bổ (*)</i>								516.095.914.363
Tổng tài sản								1.140.555.338.303
<i>Công nợ bộ phận</i>	24.398.578.025	93.241.573.834	43.198.179.955	16.222.327.221	92.117.206	6.176.804.947	-	183.329.581.188
<i>Công nợ không phân bổ (*)</i>								234.353.585.287
Tổng công nợ								417.683.166.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau.

Đơn vị tính: VND

	<i>Hà Nội</i>	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>Địa phương khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	451.040.531.176	20.022.971.016	69.769.771.820	182.434.912.855	723.268.186.867
Tổng tài sản không phân bổ					1.140.555.338.303
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					107.100.726.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

	<i>Thành phẩm phần mềm</i>	<i>Hàng hóa</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>Thành phẩm khác (SP eBop)</i>	<i>Thành phẩm đồng, composite, khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Doanh thu							
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	123.205.395.546	91.766.561.147	77.737.088.225	1.335.899.969	36.576.669.409	-	330.621.604.296
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	37.293.675.640	-	6.871.777.374	-	381.600.000	(44.547.053.014)	-
Giá vốn của các bộ phận	42.920.413.432	65.258.790.623	60.218.322.709	952.938.450	35.357.854.165	-	204.708.309.379
Kết quả							
<i>Lợi nhuận/(lỗ) gộp trước thuế của bộ phận</i>	80.284.982.114	26.507.780.524	17.518.765.516	382.951.519	1.218.815.244	-	125.913.294.917
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)</i>							(61.538.713.552)
<i>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</i>							64.374.581.365
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</i>							(2.545.529.238)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế							<u>61.829.052.127</u>
Tài sản và công nợ							
<i>Tài sản bộ phận</i>	218.875.175.827	163.023.884.767	138.100.436.090	2.373.217.103	64.978.687.927	-	587.351.401.713
<i>Tài sản không phân bổ (**)</i>							<u>500.651.346.075</u>
Tổng tài sản							<u>1.088.202.747.788</u>
<i>Công nợ bộ phận</i>	88.408.999.667	65.849.306.663	55.782.120.389	958.600.030	26.246.470.289	-	237.245.497.038
<i>Công nợ không phân bổ (***)</i>							<u>151.467.550.010</u>
Tổng công nợ							<u>388.713.047.048</u>

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Hà Nội</i>	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>Địa phương khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	218.461.522.993	14.658.827.798	90.728.794.232	6.772.459.273	330.621.604.296
Tổng tài sản không phân bổ					1.088.202.747.788
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					67.487.591.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.057.340.000	2.204.452.000
Trên 1 – 5 năm	6.385.002.000	136.734.000
TỔNG CỘNG	8.442.342.000	2.341.186.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.644.285.020	2.238.819.840
Trên 1 – 5 năm	552.844.294	1.563.893.760
TỔNG CỘNG	4.197.129.314	3.802.713.600

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	Bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty	Đơn vị tính: VND	
			Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
1	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-	25.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	11.895.000.000	10.605.000.000
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
6	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
	TỔNG CỘNG	538.418.000.000	68.787.240.000	469.630.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Đầu tư ngắn hạn	22.234.215.740	(17.820.000.000)	4.414.215.740
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	6.820.000.000	6.820.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Các khoản phải thu khác	36.961.094.197	23.701.735.113	60.662.829.310
Tài sản ngắn hạn khác	23.701.735.113	(23.701.735.113)	-
Phải thu dài hạn khác	-	936.210.000	936.210.000
Tài sản dài hạn khác	936.210.000	(936.210.000)	-
Doanh thu chưa thực hiện (ngắn hạn)	-	5.002.024.920	5.002.024.920
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	5.002.024.920	(5.002.024.920)	-
Quỹ đầu tư phát triển	20.584.145.194	15.517.195.346	36.101.340.540
Quỹ dự phòng tài chính	15.517.195.346	(15.517.195.346)	-
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Thu nhập khác	10.220.204.271	(2.514.896.273)	7.705.307.998
Chi phí khác	13.384.793.116	(2.514.896.273)	10.869.896.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau (tiếp theo):

<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây bao gồm chi phí tài chính)</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại không bao gồm chi phí tài chính)</i>
---	---

Thuyết minh chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí khác	45.472.746.713	30.820.685.670

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 2 năm 2016 thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu năm 2016 để tài trợ cho chương trình ESOP 2013 - 2016 là 800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, dự kiến phát hành trong quý 1 năm 2016.

Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-03/2016/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2016 thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt, với tỷ lệ tạm ứng là 6%/cổ phiếu.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

		
Người lập Chu Hồng Hạnh	Kế toán trưởng Đặng Thị Thanh Minh	Tổng Giám đốc Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

